

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
 - + Tiếng Anh: Finance – Banking
- Mã ngành đào tạo: 7340201
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Giáo dục chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Bằng cử nhân Tài chính – Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Bachelor degree in Finance - Banking
- Nơi đào tạo: Trường Đại học An Giang

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung:

Người học được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kinh tế học; có đủ năng lực để phân tích, đánh giá các chính sách tài chính và thực tiễn thị trường tài chính; có đủ kiến thức và kỹ năng tổ chức, thực hiện và lập kế hoạch tài chính và tín dụng hiệu quả cho đơn vị, vận dụng kiến thức vào công việc thực tiễn công tác.

b. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức và lập luận ngành: Kiến thức cơ bản về kinh tế học, quản trị, pháp luật, chuyên ngành kinh tế.
2. Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp: Ý thức tổ chức kỷ luật, bảo mật thông tin nghề nghiệp, cầu tiến.
3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp: Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp tốt; sử dụng ngoại ngữ, tin học phục vụ chuyên môn.
4. Năng lực thực hành nghề nghiệp: Lập và thực hiện tốt kế hoạch tài chính tại doanh nghiệp, tài chính công, công ty tài chính, công ty chứng khoán; Kế hoạch huy động vốn, cho vay, dịch vụ ngân hàng.

3. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

- a. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học hình thức giáo dục chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học An Giang
- b. Hình thức tuyển sinh: Theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học An Giang
- c. Tổ hợp môn xét tuyển: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh), C15 (Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội).
- d. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo:

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

- a. Nội dung chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng và phẩm chất giữa các cá nhân, và năng lực thực hành nghề nghiệp

- b. Chi tiết nội dung:

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	<i>Kiến thức đại cương</i>	
1.1.1	Kiến thức lý luận chính trị	3
1.1.2	Kiến thức khoa học xã hội (khác)	3
1.1.3	Kiến thức khoa học tự nhiên	3
1.1.4	Kiến thức ngoại ngữ	4
1.1.5	Kiến thức tin học	3
1.1.6	Kiến thức giáo dục thể chất	3
1.1.7	Kiến thức giáo dục quốc phòng	3
1.1.8	Kiến thức cơ bản về Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng	2
1.2	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	
1.2.1	Kiến thức kinh tế học	4
1.2.2	Kiến thức quản trị học	4
1.2.3	Kiến thức lý thuyết tài chính và tiền tệ	4
1.2.4	Kiến thức nguyên lý kế toán	4
1.2.5	Kiến thức quản trị tài chính cơ bản	4
1.3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
1.3.1	Kiến thức phân tích thị trường tài chính	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
1.3.2	Kiến thức phân tích tài chính trong đơn vị	4
1.3.3	Kiến thức đánh giá rủi ro tài chính	4
1.3.4	Kiến thức các sản phẩm tài chính phái sinh	4
1.3.5	Kiến thức đánh giá dự án đầu tư	4
1.3.6	Kiến thức đánh giá huy động vốn, tín dụng, dịch vụ ngân hàng	4
1.3.7	Kiến thức lập kế hoạch nguồn vốn, sử dụng vốn ngân hàng thương mại	4
1.4	<i>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i>	
1.4.1	Hiểu tình hình kinh doanh, qui trình hoạt động của đơn vị	4
1.4.2	Phân tích thực trạng trong phạm vi nghiên cứu tốt nghiệp	4
1.4.3	Đề xuất nâng cao hiệu quả vấn đề thực tập	5
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	<i>Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề</i>	
2.1.1	Hiểu và ứng dụng các vấn đề có liên quan đến tài chính, ngân hàng	3
2.1.2	Phân tích những vấn đề về chuyên môn tài chính, ngân hàng	4
2.1.3	Đánh giá và xử lý linh hoạt, sáng tạo những vấn đề tài chính, ngân hàng	5
2.1.4	Kiến nghị các biện pháp phù hợp để giải quyết vấn đề	5
2.2	<i>Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức</i>	
2.2.1	Có khả năng tự học, khám phá kiến thức nâng cao trình độ	4
2.2.2	Vận dụng được các kiến thức tài chính, ngân hàng vào đơn vị	5
2.2.3	Có khả năng nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực liên quan	5
2.3	<i>Khả năng tư duy hệ thống</i>	
2.3.1	Hiểu và vận dụng mối quan hệ bên trong hoạt động tài chính – ngân hàng	3
2.3.2	Phân tích các tác động đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng	4
2.3.3	Đề xuất biện pháp khắc phục các tác động xấu	5
2.4	<i>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân</i>	
2.4.1	Làm việc độc lập tốt, diễn đạt tốt trong hội họp và văn bản	4
2.4.2	Trách nhiệm, kỷ luật cao	4
2.4.3	Có ý chí cầu tiến	4
2.4.4	Có ý thức tự học và khả năng sáng tạo	5
2.5	<i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức cá nhân</i>	
2.5.1	Giữ bí mật đơn vị	4
2.5.2	Yêu nghề, trung thực, trung thành	4

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
2.5.3	Đoàn kết, hợp tác trong quan hệ công tác	4
2.6	<i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i>	
2.6.1	Bảo mật thông tin nghề nghiệp	4
2.6.2	Giữ gìn uy tín nghề nghiệp	4
2.6.3	Khách quan, công bằng, trung thực trong công việc	5
2.6.4	Ý thức tổ chức kỷ luật	5
2.7	<i>Kỹ năng và phẩm chất đạo đức xã hội</i>	
2.7.1	Kỹ năng ứng xử hòa nhã, đoàn kết, tôn trọng đồng nghiệp	4
2.7.2	Kỹ năng ứng xử tôn trọng, cộng tác với tổ chức xã hội	4
3	<i>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</i>	
3.1	<i>Làm việc theo nhóm</i>	
3.1.1	Tổ chức, vận hành tốt công việc của nhóm.	5
3.1.2	Tôn trọng, lắng nghe, khơi nguồn ý tưởng từ các thành viên	5
3.1.3	Hỗ trợ, gắn kết, chia sẻ với các thành viên	4
3.2	<i>Giao tiếp</i>	
3.2.1	Kỹ năng thuyết trình	4
3.2.2	Giao tiếp trực tiếp, điện thoại, văn bản	5
3.2.3	Xử lý các yêu cầu, khiếu nại của khách hàng	5
3.2.4	Kỹ năng đàm phán trong hợp đồng tài chính, thu hồi nợ	4
3.3	<i>Giao tiếp sử dụng ngoại ngữ</i>	
3.3.1	Tiếng Anh (Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung) giao tiếp	4
3.3.2	Tiếng Anh chuyên ngành	4
4	<i>Năng lực thực hành nghề nghiệp</i>	
4.1	<i>Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh</i>	
4.1.1	Thực trạng về lĩnh vực tài chính, ngân hàng ở Việt Nam	5
4.1.2	Thực trạng chung về lĩnh vực tài chính, ngân hàng thế giới	5
4.1.3	Phân tích bối cảnh hiện tại về lĩnh vực tài chính - ngân hàng	5
4.1.4	Phân tích tình hình tài chính, ngân hàng nước ngoài tác động đến trong nước	5
4.1.5	Đánh giá và dự báo được lợi ích và rủi ro đến ngành	5
4.2	<i>Hiểu bối cảnh tổ chức</i>	
4.2.1	Hiểu hoàn cảnh hình thành và thực trạng hoạt động của tổ chức	5
4.2.2	Hiểu quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu của đơn vị	5

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
4.2.3	Phân tích mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức	5
4.3	<i>Hình thành ý tưởng</i>	
4.3.1	Thiết lập mục tiêu và yêu cầu của nhà quản trị và cổ đông về tài chính	5
4.3.2	Đánh giá mức độ hiệu quả từng ý tưởng	5
4.4	<i>Xây dựng phương án</i>	
4.4.1	Lập kế hoạch tài chính, tín dụng	5
4.4.2	Xây dựng phương án thực hiện các mục tiêu tài chính, tín dụng	5
4.4.3	Phân tích, xác định các mục tiêu trước mắt và lâu dài	5
4.5	<i>Thực hiện phương án</i>	
4.5.1	Triển khai các kế hoạch tài chính, tín dụng linh hoạt	5
4.5.2	Theo dõi, phân tích thực tiễn việc thực hiện kế hoạch	5
4.5.3	Khắc phục vấn đề ảnh hưởng xấu đến các phương án	5
4.5.4	Nắm bắt, khai thác cơ hội phát sinh ngoài dự kiến	5
4.6	<i>Vận hành phương án</i>	
4.6.1	Thiết kế tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kế hoạch	5
4.6.2	Thu thập thông tin và triển khai công tác đánh giá	5
4.6.3	Đánh giá mức độ hiệu quả	5
4.6.4	Hiệu chỉnh và nâng cao hiệu quả	5

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quyết định số .../QĐ-ĐHAG ngày ... tháng ... năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang

6. Thang điểm

Thang điểm 10 sang đó quy đổi thành thang điểm 4.

7. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ: 131 tín chỉ, trong đó phân bố kiến thức như sau (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng):

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	29,01
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	29	22,14
III	Kiến thức chuyên ngành	49	37,40
IV	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp	15	11,45
	Tổng cộng	131	100

8. Nội dung chương trình đào tạo:

ST T	Mã MH	Tên môn học		Số tín chỉ	Loại MH		Tín chỉ				Điều kiện			Phòng TH/TN	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	Lý thuyết	Thực tuyến	Thực hành/Thí nghiệm	Tiền quyết	Học trước	Song hành		Học kỳ (dự kiến)
I	Kiến thức giáo dục đại cương				34	4									
	A	Lý luận chính trị													
1	PHI104	Triết học Mác - Lênin		3	3		45	45							II
2	MAX309	Kinh tế chính trị - Mác - Lênin		2	2		30	30							III
3	MAX310	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2		30	30							IV
4	VRP505	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	2		30	30							V
5	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2		30	30							VI
6	MIS102	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)			8*		16	0	91		69				I, II, III
	B	Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật													
7	SOC101	Xã hội học đại cương		2		2	30	30							III
8	PSY101	Tâm lý học đại cương		2		2	30	30							III
9	POL102	Logic học đại cương		2		2	30	30							III
10	PHT101	Giáo dục thể chất (*)		3*	3*		90				90				I, II
	C	Ngoại ngữ													
11	ENG110	Tiếng Anh 1		4	4		60	60							II
12	ENG111	Tiếng Anh 2		4	4		60	60							III
13	ENG302	Tiếng Anh 3		4	4		60	60							IV

	D	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường																
14	ECO105	Toán kinh tế	Mathematics for Economics	3	3		45	45										I
15	COS101	Tin học đại cương (*)		3*		3*	65	25		40								II
	E	Kinh tế - Quản lý																
16	FIN101	Giới thiệu ngành - ĐH TCNH	Introduce to Banking and Finance	2	2		30	30										I
17	LAW101	Pháp luật đại cương		3	3		45	45										I
18	BUS109	Kỹ năng truyền thông	Communication skills	3	3		45	45										I
19	BUS101	Quản trị hành chính văn phòng	Administrative Office Management	2		2	30	30										III
II	Kiến thức cơ sở ngành				29	0												
20	ECO505	Kinh tế vi mô	Microeconomic	3	3		45	45										I
21	ECO506	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3		45	45					ECO505					II
22	LAW302	Pháp luật kinh tế		3			45	45					LAW101					II
23	BUS515	Marketing căn bản	Fundamental Marketing	3	3		45	45					ECO506					III
24	BUS302	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	3		45	45										I
25	ACC101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3		45	45										IV
26	ECO303	Xác suất thống kê - kinh tế	Probability and Statistics for Economics	3	3		45	45										II
27	ECO507	Kinh tế lượng	Econometrics	3	3		60	30		30			ECO303					III
28	FIN501	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Financial and Monetary Theory	3	3		45	45					ECO506					III
29	MOR503	Phương pháp nghiên cứu khoa học – KTQTKD	Business Research Methods	2	2		30	30					ECO507					VI
III	Kiến thức chuyên ngành				28	21												
30	LAW502	Pháp luật doanh nghiệp		3									LAW302, BUS515					IV
31	ACC511	Kế toán ngân sách	Budget Accounting	3		3	45	45										V
32	ECO503	Kinh tế phát triển	Development Economics	3		3	45	45					ECO506					V
33	FIN502	Quản trị tài chính 1	Financial Management 1	3	3		45	45					FIN501					V

34	FIN503	Thuế	Taxation	3	3		45	45				ACC101 FIN501	V
35	FIN514	Thanh toán quốc tế A	International Payment A	3	3		45	45					VI
36	FIN510	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Commercial Bank Operations	3	3		45	45				FIN501	V
37	ACC501	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3		45	45				ACC101	V
38	FIN505	Thị trường chứng khoán	Stock Market	2	2		30	30				FIN502	VI
39	ACC509	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3		45	45				FIN510	VI
40	FIN515	Thẩm định tín dụng	Credit Appraisal	3	3		45	45				FIN510	VII
41	FIN512	Quản trị ngân hàng thương mại	Commercial Bank Management	3	3		45	45				FIN502, FIN510	VII
42	FIN513	Tiền tệ – Ngân hàng	Money - Banking	3		3	45	45				FIN501	IV
43	FIN508	Nguyên lý thẩm định giá	The Principle of Valuation	3		3	45	45					IV
44	ACC516	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bussiness analysis	3		3	45	45					V
45	BUS501	Quản trị doanh nghiệp	Business Administration	3		3	45	45				BUS103	VI
46	BUS518	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Establishment and appraisal of investment project	3		3	45	45				FIN502	VI
47	FIN507	Phân tích tài chính	Financial Analysis	2	2		30	30				FIN502	VI
48	LAW501	Luật các tổ chức tín dụng		3		3	45	45				LAW30 2	VII
49	ACC514	Kế toán quản trị	Management accounting	3		3	45	45				ACC501	VII
50	FIN525	Quản trị rủi ro tài chính	Financial risk Management	3		3	45	45				FIN502	VII
51	ACC507	Kiểm toán	Auditing	3		3	45	45				ACC501	VII
52	FIN506	Quản trị tài chính 2	Financial Management 2	3		3	45	45				FIN502	VII
IV	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp				5	10							
53	FIN903	Thực tập tốt nghiệp – NH	Undergraduate Practice	5	5		15 0			15 0			VII I
54	FIN915	Khóa luận tốt nghiệp – NH	Undergraduated Thesis	10		10	30 0			30 0		MOR50 3	VII I
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:												
55	FIN916	Tài chính hành vi	Behavioral Finance	2		2	30	30				FIN505	VII I

56	FIN524	Bảo hiểm	Insurance	2		2	30	30						VII I
57	FIN911	Định giá doanh nghiệp	Measuring the value of companies	3		3	45	45				FIN508, FIN502		VII I
58	FIN504	Tài chính quốc tế	International finance	3		3	45	45						VII I
59	BUS512	Marketing ngân hàng	Marketing Bank	2		2	30	30				BUS515 , FIN510		VII I
60	FIN914	Đầu tư tài chính	Financial Investment	3		3	45	45				FIN502		VII I
Tổng số						96	35							

9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	Mã MH	Tên môn học		Loại MH			Tin chỉ				
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	Phòng TN (**)	
I (17 TC; 17 BB; 0 TC)	FIN101	Giới thiệu ngành - ĐH TCNH	Introduce to Banking and Finance	2	2		30	30			
	BUS109	Kỹ năng truyền thông	Communication skills	3	3		45	45			
	ECO505	Kinh tế vi mô	Microeconomic	3	3		45	45			
	ECO105	Toán kinh tế	Mathematics for Economics	3	3		45	45			
	LAW101	Pháp luật đại cương		3	3		45	45			
	BUS302	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	3		45	45			
	MIS150	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 (*)		3*	3*		46	30		16	
	PHT110	Giáo dục thể chất 1		1*	1*		30	4		26	
II (16 TC; 16 BB; 0 TC)	PHI104	Triết học Mác - Lênin		3	3		45	45			
	LAW302	Pháp luật kinh tế		3	3		45	45			
	ECO506	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3		45	45			
	ECO303	Xác suất thống kê - kinh tế	Probability and Statistics for Economics	3	3		45	45			
	ENG110	Tiếng Anh 1		4	4		60	60			
	COS101	Tin học đại cương (*)		3*		3*	65	25		40	
	MIS160	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 (*)		2*	2*		42	32		10	
	PHT121	Giáo dục thể chất 2		2*	2*		60	4		56	
III (19 TC; 15 BB; 4 TC)	MAX309	Kinh tế chính trị - Mác - Lênin		2	2		30	30			
	PSY101	Tâm lý học đại cương		2			30	30			
	POL102	Logic học đại cương		2			30	30			
	BUS101	Quản trị hành chính văn phòng	Administrative Office Management	2		4	30	30			
	SOC101	Xã hội học đại cương		2			30	30			
	ECO507	Kinh tế lượng	Econometrics	3	3		60	30		30	
	BUS515	Marketing căn bản	Fundamental Marketing	3	3		45	45			
	FIN501	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Financial and Monetary Theory	3	3		45	45			
	ENG111	Tiếng Anh 2		4	4		60	60			
	MIS170	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 (*)		3*	3*		72	29		43	

IV (15 TC: 9 BB; 6 TC)	MAX310	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2		30	30			
	ACC101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3		45	45			
	FIN513	Tiền tệ – Ngân hàng	Money - Banking	3		6	45	45			
	FIN508	Nguyên lý thẩm định giá	The Principle of Valuation	3			45	45			
	LAW502	Pháp luật doanh nghiệp		3			45	45			
	ENG302	Tiếng Anh 3		4	4		60	60			
V (17 TC: 14 BB; 3 TC)	VRP505	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	2		30	30			
	FIN510	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Commercial Bank Operations	3	3		45	45			
	ACC501	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3		45	45			
	ACC511	Kế toán ngân sách	Budget Accounting	3		3	45	45			
	ACC516	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bussiness analysis	3			45	45			
	ECO503	Kinh tế phát triển	Development Economics	3			45	45			
	FIN502	Quản trị tài chính 1	Financial Management 1	3	3		45	45			
	FIN503	Thuế	Taxation	3	3		45	45			
VI (17 TC: 14 BB; 3 TC)	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2		30	30			
	FIN514	Thanh toán quốc tế A	International Payment A	3	3		45	45			
	FIN505	Thị trường chứng khoán	Stock Market	2	2		30	30			
	ACC509	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3		45	45			
	BUS501	Quản trị doanh nghiệp	Business Administration	3		3	45	45			
	BUS518	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Establishment and appraisal of investment project	3			45	45			
	MOR503	Phương pháp nghiên cứu khoa học – KTQTKD	Business Research Methods	2	2		30	30			
	FIN507	Phân tích tài chính	Financial Analysis	2	2		30	30			
VII (15 TC: 6 BB; 9 TC)	FIN515	Thẩm định tín dụng	Credit Appraisal	3	3		45	45			
	FIN512	Quản trị ngân hàng thương mại	Commercial Bank Management	3	3		45	45			
	FIN525	Quản trị rủi ro tài chính	Financial risk Management	3		6	45	45			
	ACC507	Kiểm toán	Auditing	3			45	45			
	FIN506	Quản trị tài chính 2	Financial Management 2	3			45	45			
	LAW501	Luật các tổ chức tín dụng		3		3	45	45			
	ACC514	Kế toán quản trị	Management accounting	3			45	45			
VIII (15 TC: 5 BB; 10 TC)	FIN903	Thực tập tốt nghiệp – NH	Undergraduate Practice		5		15	0		150	
	FIN915	Khóa luận tốt nghiệp – NH	Undergraduated Thesis	10		10	30	0		300	
	FIN916	Tài chính hành vi	Behavioral Finance	2		10	30	30			
	FIN524	Bảo hiểm	Insurance	2			30	30			
	FIN911	Định giá doanh nghiệp	Measuring the value of companies	3			45	45			
	FIN504	Tài chính quốc tế	International finance	3			45	45			
	BUS512	Marketing ngân hàng	Marketing Bank	2			30	30			

	FIN914	Đầu tư tài chính	Financial Investment	3			45	45			
	Tổng				96	35					

11. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

1-Triết học Mác - Lênin

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

2- Kinh tế chính trị - Mác – Lênin

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

3- Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

4- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

5- Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

6- Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)

- Số tín chỉ: 8* (Lý thuyết: 91, Thực hành: 69)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

7- Xã hội học đại cương

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

8- Tâm lý học đại cương

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

9- Logic học đại cương

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

10- Giáo dục thể chất (*)

- Số tín chỉ: 3* (Lý thuyết: 0, Thực hành: 90)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

11- Tiếng Anh 1

- Số tín chỉ: 4 (Lý thuyết: 60, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

12- Tiếng Anh 2

- Số tín chỉ: 4 (Lý thuyết: 60, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

13- Tiếng Anh 3

- Số tín chỉ: 4 (Lý thuyết: 60, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

14- Toán kinh tế (Mathematics for Economics)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và các ứng dụng trong kinh tế của: (1) Ma trận và định thức; (2) Hệ phương trình tuyến tính; (3) Phép toán vi tích phân của hàm số một biến số; (4) Phép toán vi phân của hàm số nhiều biến số; (5) Tối ưu hóa tuyến tính. Qua đó giúp sinh viên biết vận dụng những ứng dụng này vào việc tiếp thu các tri thức hiện đại trong kinh tế học.

15- Tin học đại cương (*)

- Số tín chỉ: 3* (Lý thuyết: 25, Thực hành: 40)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

16-Giới thiệu ngành TCNH (Introduce to Banking and Finance)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngành Tài chính – Ngân hàng, cấu trúc của chương trình đào tạo của ngành, đồng thời rèn luyện một số kỹ năng cần thiết để học tập và hướng dẫn sinh viên thiết kế, xây dựng chương trình học tập phù hợp với yêu cầu và năng lực của từng sinh viên.

17- Pháp luật đại cương

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học:

18-Kỹ năng truyền thông (Communication skills)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên khái niệm cơ bản về kỹ năng truyền thông, mô hình quá trình truyền thông, các nguyên tắc cơ bản trong truyền thông. Ngoài ra, môn học còn cung cấp kiến thức về kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hội họp, kỹ năng giao tiếp nơi công sở, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn xin việc, có kết hợp các buổi giảng dạy lý thuyết và thực hành nên các cá nhân có cơ hội tự học hỏi, tự rèn luyện các kỹ năng này.

19-Quản trị hành chính văn phòng (Administrative Office Management)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cần thiết của quy trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng, doanh nghiệp. Những kỹ năng hành chính văn phòng căn bản, điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng phục vụ mục tiêu phát triển của doanh nghiệp. Phân biệt rõ ràng giữa hành chính công và hành chính doanh nghiệp. Học phần còn giúp người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết của một quản trị trong việc điều hành các hoạt động hành chính văn phòng doanh nghiệp.

20-Kinh tế vi mô (Microeconomic)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Cung cấp kiến thức về lý luận và phương pháp kinh tế trong lựa chọn để giải quyết ba vấn đề kinh tế cơ bản của một nền kinh tế. Những cơ sở của cung cầu: vấn đề tiêu dùng cá nhân, đặc tính cầu cá nhân và từ đó suy ra cầu của thị trường. Đặc điểm của sản xuất, chi phí, lợi nhuận. Các lựa chọn tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp trong các mô hình thị trường và giới thiệu

những vấn đề: thất bại của thị trường, thông tin suy thoái và vai trò của chính phủ

21-Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO505
- Nội dung môn học: Kinh tế học vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế trên phương diện tổng thể, bao gồm việc mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả, lạm phát, việc làm và thất nghiệp, cung cầu tiền tệ, lãi suất... Mọi quan hệ và sự tác động qua lại giữa các biến này được giải thích thông qua các mô hình kinh tế đơn giản và các chính sách ổn định hóa kinh tế như: chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách ngoại thương.

22- Pháp luật kinh tế

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: LAW101
- Nội dung môn học:

23-Marketing căn bản (Fundamental Marketing)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO506
- Nội dung môn học: Giới thiệu những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường. Cung cấp một số khái niệm căn bản về Marketing. Giúp người học biết cách phân tích thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing hỗn hợp (Marketing-Mix): Sản phẩm, Giá, Phân phối, Xúc tiến

24-Quản trị học (Fundamentals of Management)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Nội dung môn học: Học phần được thiết kế để trang bị những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị trong tổ chức làm nền tảng để tiếp tục nghiên cứu các môn chuyên ngành. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên hiểu được quá trình quản trị tổ chức thông qua 4 chức năng cơ bản của hoạt động quản trị và có thể vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống quản trị thực tế trong tổ chức một cách khoa học

25-Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Nội dung môn học: Là học phần bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về kế toán cho sinh viên ngành kinh tế, cụ thể là các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản và ghi sổ kép, tính giá, tổng hợp- cân đối kế toán và kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất và thương mại. **Là tiền đề cơ bản** quyết định học các môn học tiếp theo về kế toán: Kế toán Tài

chính, Kế toán Quản trị, Kế toán Chi phí... Ngoài ra, qua môn học này còn giúp sinh viên nâng cao kỹ năng diễn đạt vấn đề trước tập thể và nâng cao kỹ năng làm việc nhóm

26-Xác suất thống kê – kinh tế (Probability and Statistics for Economics)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên các công thức tính xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi quy và tương quan tuyến tính. Qua đó sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, biết vận dụng kiến thức môn học vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.

27-Kinh tế lượng (Econometrics)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 30)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO303
- Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm và công cụ cơ bản trong phân tích định lượng kinh tế: xây dựng và ước lượng mô hình hồi quy tuyến tính đơn, bội và với biến giả; các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình. Từ đó có thể ứng dụng để phân tích và đánh giá các chính sách hay các vấn đề khác. Qua đó hình thành cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, biết vận dụng kiến thức môn học vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.

28-Lý thuyết tài chính – tiền tệ (Financial and Monetary Theory)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO506
- Nội dung môn học: Môn học giúp cho người học tiếp cận một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tài chính và Tiền tệ trong cơ chế thị trường bao gồm: Lý luận cơ bản về tài chính, Lý luận cơ bản về tiền tệ, Tài chính công, Tài chính doanh nghiệp, Trung gian tài chính, Ngân hàng trung ương, Tài chính quốc tế, Thị trường tài chính... và vận dụng những kiến thức này có hiệu quả vào thực tiễn quản lý kinh tế.

29-Phương pháp nghiên cứu khoa học – KTQTKD (Business Research Methods)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO507
- Nội dung môn học: Học phần này cung cấp cơ sở lý luận và thực hành nghiên cứu trong kinh doanh. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình nghiên cứu, phương pháp tổng kết lý thuyết và phương pháp nghiên cứu. Sinh viên được trang bị kỹ năng tổng kết lý thuyết và phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Học phần giúp sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học nói riêng và trong công việc nói chung.

30- Pháp luật doanh nghiệp

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: LAW302, BUS515
- Nội dung môn học:

31-Kế toán ngân sách (Budget Accounting)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là học phần tự chọn đối với chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Nội dung của học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản và kỹ năng về kế toán ngân sách. Sau khi học học phần này sinh viên sẽ thực hiện công tác kế toán ngân sách tại đơn vị. Đồng thời sinh viên sẽ hiểu rõ hơn về việc quản lý thu, chi ngân sách của địa phương.

32-Kinh tế phát triển (Development Economics)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ECO506
- Nội dung môn học: Kinh tế phát triển nêu lên các vấn đề về: các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, những mô hình tăng trưởng, mối quan hệ giữa các nước đang phát triển và nước phát triển dưới tác động của nền kinh tế thế giới. Đồng thời, môn này còn đề cập đến các cơ chế tổ chức kinh tế, xã hội, chính trị trong cả khu vực tư nhân và nhà nước, để cải thiện quy mô đời sống thấp kém ở các nước đang phát triển.

33-Quản trị tài chính 1 (Financial Management 1)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN501
- Nội dung môn học: Quản trị tài chính 1 là một trong những học phần quan trọng của chương trình đào tạo chuyên ngành tài chính doanh nghiệp. Quản trị tài chính 1 hình thành những nhận thức cốt lõi và đồng thời cung cấp các công cụ, phương pháp, mô hình để giải quyết các bài toán về giá trị thời gian của tiền tệ; ước định giá trị tài sản, dự án đầu tư; phân tích tỷ số tài chính; hoạch định lợi nhuận, các dòng tiền; đánh giá hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

34-Thuế (Taxation)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ACC101, FIN501
- Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của thuế; nội dung của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam; phạm vi áp dụng cũng như sự vận hành của hệ thống thuế. Qua đó, sinh viên có thể tính toán, kê khai các loại thuế theo qui định, đồng thời có thể tự cập nhật những thay đổi, phân tích tác động của các thay đổi đó đến hoạt động của doanh nghiệp; thảo luận nhóm và trình bày quan điểm về các tình huống thuế trong thực tiễn.

35-Thanh toán quốc tế A (International Payment A)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần Thanh toán quốc tế A cung cấp kiến thức về thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế. Qua học phần này, sinh được được đào tạo kỹ năng và hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ thanh toán quốc tế như: (1) mua bán ngoại tệ; (2) sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro ngoại hối; (3) tạo lập các chứng từ trong thanh toán quốc tế; (4) thực hành các phương thức thanh toán quốc tế và (5) xử lý các tình huống trong thanh toán quốc tế.

36-Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Bank Operations)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN501
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về hệ thống NHTM và kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ NHTM phổ biến trong nước và trên thế giới: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng - bảo lãnh, và các dịch vụ ngân hàng. Sinh viên vận dụng các nghiệp vụ để giải quyết các phát sinh bằng những tình huống nhằm cụ thể hóa lý thuyết thông qua thực hành.

37-Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ACC101
- Nội dung môn học: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành và là học phần bắt buộc đối với CTĐT ngành Tài chính – ngân hàng. Học phần này hướng dẫn các phương pháp hạch toán và cách thức ghi sổ từng phần hành kế toán như: kế toán tiền và các khoản phải thu; kế toán hàng tồn kho; kế toán tài sản cố định; kế toán nợ phải trả; kế toán vốn chủ sở hữu; kế toán hoạt động thương mại và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Từ đó hình thành và củng cố kỹ năng ghi sổ kế toán và đọc BCTC.

38-Thị trường chứng khoán (Stock Market)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về khái niệm, phân loại, phương thức hoạt động thị trường chứng khoán; đặc điểm, phương pháp định giá, phát hành và phân tích chứng khoán. Kết thúc học phần, sinh viên có thể đọc hiểu những thông tin trên thị trường để có thể tham gia giao dịch trên thị trường chứng khoán; Nhận biết đặc điểm chứng khoán và các nhân tố ảnh hưởng đến giá chứng khoán và vận dụng để phân tích và ra quyết định đầu tư chứng khoán.

39-Kế toán ngân hàng thương mại (Commercial Bank Accounting)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN510

- Nội dung môn học: Nghiên cứu các kiến thức chung về những nguyên lý kế toán áp dụng cho ngân hàng thương mại, hệ thống các khái niệm, nguyên tắc kế toán, chứng từ, tài khoản và phương pháp hạch toán từng vấn đề: kế toán tiền mặt, kế toán các hoạt động nhận tiền gửi, kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng, kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, kế toán tài sản cố định và công cụ lao động, kế toán kinh doanh ngoại tệ, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các ngân hàng thương mại, và kỹ năng đọc hiểu các báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại.

40-Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN510
- Nội dung môn học: Học phần này cung cấp các kiến thức và kỹ năng về phân tích và đánh giá tình hình tài chính, kinh doanh của khách hàng (khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp) nhằm quản lý khoản vay tốt hơn, góp phần hạn chế rủi ro tín dụng và mang lại hiệu quả cao trong hoạt động tín dụng.

41-Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502, FIN510
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong quản trị nguồn vốn, tài sản của ngân hàng thương mại nhằm hạn chế rủi ro, tăng khả năng cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của các ngân hàng thương mại.

42-Tiền tệ - ngân hàng (Money - Banking)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN501
- Nội dung môn học: Những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng như: các vấn đề lưu thông tiền tệ, lạm phát và chống lạm phát, tín dụng và thị trường tài chính, các tổ chức tín dụng và chính sách tiền tệ quốc gia, hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, những vấn đề cơ bản trong quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế,... và vận dụng chúng có hiệu quả vào thực tiễn quản lý kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

43-Nguyên lý thẩm định giá (The Principle of Valuation)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức cơ bản liên quan đến thẩm định giá như cơ sở về giá trị, nguyên tắc, phương pháp, quy trình và tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam. Kết thúc học phần, sinh viên có thể thu thập và thẩm định một số tài sản cơ bản. Học phần là cơ sở cho việc nghiên cứu các học phần chuyên sâu như định giá doanh nghiệp và các tài sản khác.

44-Phân tích hoạt động kinh doanh (Business analysis)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)

- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần này học phần thuộc giai đoạn chuyên ngành với mục đích cung cấp phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh giúp cho nhà quản lý đánh giá đúng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phát hiện những tiềm năng cũng như nhận thấy những rủi ro từ đó hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho doanh nghiệp. Nội dung chính bao gồm: phân tích kết quả sản xuất, phân tích giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích báo cáo tài chính.

45-Quản trị doanh nghiệp (Business Administration)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: BUS103
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức chung về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp và hoạt động quản trị trong doanh nghiệp. Sau khi học học phần này, sinh viên sẽ có các kiến thức chung liên quan đến doanh nghiệp, đồng thời, hình thành được các kỹ năng nhằm thực hiện các hoạt động quản trị doanh nghiệp như quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị nhân sự, quản trị chất lượng và quản trị sản xuất.

46-Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Establishment and appraisal of investment project)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức căn bản về lập và thẩm định dự án đầu tư như: phân tích xác định được cơ hội đầu tư; tổ chức phân tích thị trường SP/DV của cơ hội đầu tư; phân tích kỹ thuật công nghệ, tổ chức SXKD; đánh giá hiệu quả tài chính của dự án; phân tích rủi ro bằng phần mềm Crystal Ball; thực hành viết báo cáo nghiên cứu khả thi theo nhóm; thẩm định được tính khả thi của dự án.

47-Phân tích tài chính (Financial Analysis)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị các phương pháp và kỹ thuật để đánh giá tình hình tài chính trong quá khứ và hiện tại nhằm cung cấp thông tin giúp các đối tượng có liên quan như nhà đầu tư, chủ nợ, chủ doanh nghiệp và các cơ quan quản lý chức năng của nhà nước đánh giá đúng sức mạnh tài chính, hiệu quả kinh doanh và triển vọng của doanh nghiệp. Để từ đó, đưa ra các quyết định đúng đắn và có thể thực hiện được trong tương lai với những mục tiêu mà họ quan tâm.

48-Luật các tổ chức tín dụng

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: LAW302
- Nội dung môn học:

49-Kế toán quản trị (Management accounting)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ACC501
- Nội dung môn học: Học phần này cung cấp những nội dung và phương pháp cơ bản của kế toán quản trị. Nội dung chính bao gồm: vai trò của kế toán quản trị trong doanh nghiệp, phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, lập dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí, đánh giá trách nhiệm quản lý, ra các quyết định về giá bán và phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định trong doanh nghiệp.

50- Quản trị rủi ro tài chính (Financial risk Management)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Quản trị rủi ro tài chính cung cấp cho sinh viên kiến thức về các sản phẩm phái sinh để ứng dụng trong thực tiễn nhằm phòng ngừa rủi ro khi tham gia thị trường tài chính. Đồng thời, sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nghiên cứu để xác định, định lượng rủi ro và sử dụng các công cụ tài chính để hạn chế rủi ro.

51- Kiểm toán (Auditing)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: ACC501
- Nội dung môn học: Kiểm toán là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về kiểm toán và qui trình kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ, kế hoạch kiểm toán, bằng chứng kiểm toán và các loại ý kiến của kiểm toán viên. Qua đó sinh viên có thể độc lập nghiên cứu, làm việc nhóm để vận dụng vào việc đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán thích hợp.

52- Quản trị tài chính 2 (Financial Management 2)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Quản trị tài chính 2 là một trong những học phần quan trọng của chương trình đào tạo chuyên ngành tài chính doanh nghiệp. Quản trị tài chính 2 hình thành những nhận thức cốt lõi và đồng thời cung cấp các công cụ, phương pháp, mô hình để quản trị tài sản lưu động, lựa chọn nguồn vốn ngoại sinh dài hạn, tạo lợi nhuận và nguồn vốn nội sinh, kiểm soát rủi ro, gia tăng giá trị và xây dựng các kế hoạch tài chính ngắn hạn lẫn dài hạn cho doanh nghiệp.

53- Thực tập tốt nghiệp – NH (Undergraduate Practice)

- Số tín chỉ: 5 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 150)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Học phần chuyên đề tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã lĩnh hội tại nhà trường vào vấn đề thực tiễn

các nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị thực tập (ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng,... Đồng thời qua học phần này, sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội....

54- Khóa luận tốt nghiệp – NH (Undergraduated Thesis)

- Số tín chỉ: 10 (Lý thuyết: 0, Thực hành: 300)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: MOR503
- Nội dung môn học: Học phần chuyên đề tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã lĩnh hội tại nhà trường vào vấn đề thực tiễn các nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị thực tập (ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng,... Đồng thời qua học phần này, sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp và kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội...

55- Tài chính hành vi (Behavioral Finance)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN505
- Nội dung môn học: Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến hành vi của nhà đầu tư dựa trên những nguyên tắc tâm lý trong quá trình ra quyết định, bao gồm lý thuyết thị trường hiệu quả, các trường hợp bất thường trên thị trường chứng khoán, lý thuyết chênh lệch giá và yếu tố tâm lý trong tài chính hành vi. Học phần là cơ sở giúp người học có khả năng phân tích và giải thích việc nhà đầu tư diễn giải và phản ứng đối với thông tin để ra quyết định đầu tư.

56- Bảo hiểm (Insurance)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về bảo hiểm và vận dụng chúng vào thực tiễn. Cụ thể: Giới thiệu tổng quan về nguồn gốc ra đời, quá trình phát triển của bảo hiểm trên thế giới và ở Việt nam. Học viên nắm rõ các khái niệm và thuật ngữ cơ bản (Đối tượng bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, số tiền bảo hiểm,...); các hoạt động cơ bản liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại. Một số nghiệp vụ bảo hiểm thông thường sẽ được trình bày, với các minh họa thực tế về các lĩnh vực liên quan của một số loại hình bảo hiểm như: Bảo hiểm về tài sản, Bảo hiểm con người, Bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Đồng thời giới thiệu tổng quan về phương pháp Đồng bảo hiểm và Tái bảo hiểm. Cơ sở pháp lý của hợp đồng bảo hiểm và cách xử lý khi rủi ro xảy ra

57- Định giá doanh nghiệp (Measuring the value of companies)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN508, FIN502
- Nội dung môn học: Môn học trang bị những kiến thức về định giá doanh nghiệp như: khái niệm và đặc trưng doanh nghiệp, giá trị doanh nghiệp và định giá doanh nghiệp; cơ sở lý luận và nội dung của các phương pháp định giá doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, các tiêu chuẩn và các quy định liên quan đến hoạt động định giá doanh nghiệp. Từ những nội dung đó, người học có thể

ứng dụng được các phương pháp vào các bài tập tình huống trong thực tế khi định giá doanh nghiệp.

58- Tài chính quốc tế (International finance)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Nội dung môn học: Môn học này giúp cho sinh viên hiểu và phân tích được các chính sách kinh tế, tài chính mà các chính phủ có thể áp dụng để thực hiện công tác tài chính quốc tế của quốc gia mình như: Hiểu và giải thích được sự biến động của tỷ, dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên hiểu được đặc điểm, nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng tiền tệ và các nội dung khác có liên quan.

59- Marketing ngân hàng (Marketing Bank)

- Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 30, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: BUS515, FIN510
- Nội dung môn học: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản và nâng cao về lý luận và thực tiễn cũng như kỹ năng thực hành các hoạt động marketing của NHTM. Đề cập đến các khái niệm hiện đại về marketing, các tình huống cụ thể tại NH để thảo luận và phân tích về các vấn đề quan trọng trong Marketing NH: Nghiên cứu thị trường; khách hàng; SPDV NH, giá cả SPDV, kênh phân phối, nhằm xây dựng các chiến lược phù hợp, xây dựng quy trình phát triển các SPDV mới tại các NHTM hiện nay.

60- Đầu tư tài chính (Financial Investment)

- Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 45, Thực hành: 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: FIN502
- Nội dung môn học: Môn học trang bị kiến thức cơ bản trong đầu tư tài chính như các công cụ tài chính, cách tính các chỉ tiêu cơ bản trong đo lường tỷ suất, rủi ro, mức ngại rủi ro, giá trị hữu dụng của đầu tư. Giúp người học tiếp cận các lý thuyết đầu tư hiện đại: bài toán phân bổ vốn, ứng dụng các mô hình định giá tài sản vốn, mô hình lý thuyết định giá Arbitrage trong đầu tư. Rèn luyện một số kỹ năng như dự báo, phân tích, định giá, ra quyết định đầu tư; tính toán rủi ro, hiệu quả đầu tư.

HIỆU TRƯỞNG